

Bản án số: 547/2023/DS-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 06 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 588/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 515/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T; Địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh Hoàng hoặc bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên hoặc ông Nguyễn Ngọc L, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 065289.23 ngày 30/5/2023) - Có mặt

Bị đơn: Ông Vương Văn H, sinh năm 1971; Địa chỉ thường trú: đường A, phường B, quận C, Tp. Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: đường A1, phường B1, quận C1, Tp. Hồ Chí Minh- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2021 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng T có ông Nguyễn Ngọc L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/07/2019, ông Vương Văn H có ký đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với Ngân hàng T - Chi nhánh Gò Vấp - Phòng giao dịch Nguyễn Thị Thập (sau đây viết tắt là Ngân hàng). Ngày 04/7/2019, Ngân hàng đồng ý cấp 02 (hai) thẻ tín dụng sau cho ông H: Thẻ tín dụng số : 5128240001030004, số tài khoản thẻ : 000000000223954, loại thẻ : thẻ tín dụng quốc tế VIB Financial Free, hạn mức thẻ 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và Thẻ tín dụng số : 5138920346114765, số tài khoản thẻ : 000000000223993, loại thẻ : thẻ tín dụng quốc tế VIB Cash Back, hạn mức thẻ 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu)

đồng; thời hạn vay 05 năm, lãi suất trong hạn : đối với thẻ tín dụng số 5128240001030004 là 36%/năm, đối với thẻ tín dụng số 5138920346114765 là 32,5%/năm, lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức tín chấp. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã không thanh toán đầy đủ cho ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Ngày 25/9/2019 ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ của ông H sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Tính đến ngày 29/09/2023 ông H còn nợ ngân hàng tổng số tiền nợ thẻ tín dụng số : 5128240001030004 là 87.572.027 (Tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn không trăm hai mươi bảy) đồng. Trong đó: nợ gốc là : 30.000.000 đồng, nợ lãi: 13.048.764 đồng, nợ phí phát sinh : 44.523.263 đồng và tổng số tiền nợ thẻ tín dụng số : 5138920346114765 là 256.551.621 (Hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một nghìn sáu trăm hai mươi một) đồng. Trong đó: nợ gốc là : 149.438.519 đồng, nợ lãi: 54.437.453 đồng, nợ phí phát sinh : 52.675.649 đồng. Tổng cộng nợ của 02 (hai) thẻ tín dụng nêu trên là 344.123.648 (Ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám) đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu một mình ông H thanh toán số tiền còn nợ là 344.123.648 đồng, yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Buộc ông H có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quy định tại đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/7/2019 và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Bị đơn ông Vương Văn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Bị đơn ông Vương Văn H vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật :

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 02, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời “*Trước đây đương sự Vương Văn H có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 20/58 Yên Thế, phường 02, quận Tân Bình từ ngày 12/07/2019. Đương sự H không đăng ký thường trú và hiện không cư trú tại địa chỉ trên từ năm 2020, đi đâu không rõ*”. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng và đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/7/2019, nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi địa chỉ cư trú mà không

thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ cư trú mới của mình làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện nên theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Ngày 13/9/2023 Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự đến để tham gia xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa đồng thời thông báo cho các đương sự sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 29/9/2023 nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh trụ sở đăng ký hoạt động của bị đơn tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và xác minh nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01-8-2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình pH tham gia phiên tòa theo quy định

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét tại phiên tòa cùng lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở xác định ngày 04/07/2019 ông H có vay tổng cộng 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng của Ngân hàng T theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/7/2019. Theo đó, ngân hàng đã cấp 02 (hai) thẻ tín dụng số : 5138920346114765 và thẻ tín dụng số : 5128240001030004 với thời hạn vay và lãi suất như đại diện nguyên đơn trình bày. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/09/2023 ông H còn nợ ngân hàng tổng số tiền nợ thẻ tín dụng số : 5128240001030004 là 87.572.027 (Tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn không trăm hai mươi bảy) đồng. Trong đó: nợ gốc là : 30.000.000 đồng, nợ lãi: 13.048.764 đồng, nợ phí phát sinh : 44.523.263 đồng và tổng số tiền nợ thẻ tín dụng số : 5138920346114765 là 256.551.621 (Hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một nghìn sáu trăm hai mươi một) đồng. Trong đó: nợ gốc là : 149.438.519 đồng, nợ lãi: 54.437.453 đồng, nợ phí phát sinh : 52.675.649 đồng. Tổng cộng nợ của 02 (hai) thẻ tín dụng nêu trên là 344.123.648 (Ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám) đồng .

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn pH có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ của 02 (hai) thẻ tín dụng nêu trên là 344.123.648 (Ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm

hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám) đồng và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 30/9/2023 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quy định tại đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/7/2019 và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207 ; Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T:

1.1. Buộc ông Vương Văn H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ của 02 (hai) thẻ tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 344.123.648 (Ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám) đồng. Trong đó: nợ gốc của thẻ tín dụng số 5138920346114765 là : 149.438.519 đồng, nợ lãi : 54.437.453 đồng, nợ phí phát sinh : 52.675.649 đồng và nợ gốc của thẻ tín dụng số 5128240001030004 là : nợ gốc là : 30.000.000 đồng, nợ lãi: 13.048.764 đồng, nợ phí phát sinh : 44.523.263 đồng.

Ông Vương Văn H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quy định tại đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 02/7/2019 và bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vương Văn H phải chịu 17.206.182 (Mười bảy triệu hai trăm lẻ sáu nghìn một trăm tám mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 8.603.091 (Tám triệu sáu trăm lẻ ba nghìn không trăm chín mươi một) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0023185 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pHthi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thu Hiền